

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2020/HC-PT

Ngày: 25/5/2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ
trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Hồng Phượng

2. Nguyễn Khắc Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/TL-HCPT ngày 13/02/2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1600/2020/QĐ-PT ngày 16/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4346/2020/QĐPT-HC ngày 13/5/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Trần Thị M1**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 98A Trường Chinh, tổ 3, khu phố 4, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Ngô Xuân Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 115 Cù Lao, Phường 02, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 15216 quyền số 7 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/7/2018 của Văn phòng công chứng Quận M).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận M;

Trụ sở: Số 01 Lê Thị Riêng, phường Thới A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ1, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận M.

(Giấy ủy quyền số: 1279/QĐ-UBND ngày 18/7/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Đoàn Nguyễn Đức T1**, Chức vụ: Phó Trưởng ban bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận M.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị M1 – Người khởi kiện

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/01/2006 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi là Ủy ban Thành phố) ban hành Công văn số 233/UBND-CNN (gọi là Công văn 233/UBND-CNN) về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm Công nghệ Sinh học Thành phố (gọi Dự án Công nghệ Sinh học).

Ngày 18/01/2008 Ủy ban Ủy ban Thành phố ban hành Công văn số 403/UBND-ĐTMT (gọi là Công văn 403/UBND-ĐTMT) về việc thẩm định đơn giá bồi thường trong Dự án Công nghệ Sinh học tại phường Trung Mỹ Tây Quận M.

Ngày 30/9/2008 Ủy ban Ủy ban Thành phố ban hành Công văn số 6093/UBND-ĐTMT (gọi là Công văn 403/UBND-ĐTMT) về việc chấp thuận địa điểm đầu tư Dự án Công nghệ Sinh học tại phường Trung Mỹ Tây Quận M.

Ngày 07/5/2009 Hội đồng bồi thường Dự án Công nghệ Sinh học ban hành Phương án số 04/PACT-HĐBT (Phương án 04/PACT-HĐBT) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Công nghệ Sinh học. Phương án 04/PACT-HĐBT đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận M (gọi là Chủ tịch Ủy ban Quận M) phê duyệt theo Quyết định số 142/QĐ-UBND-TC ngày 14/5/2009.

Bà Trần Thị M1 và ông Bùi Văn Chương có đất bị ảnh hưởng trong Dự án xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học thành phố, nguồn gốc đất như sau:

+ Nhà – đất số 24A Quốc lộ 1A, khu phố 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận M (gọi Nhà 24A): Nhà - đất bị ảnh hưởng có diện tích 446,8m², theo tài liệu 02

đất thuộc một phần thửa 63, thửa 56 tờ bản đồ số 3; Theo tài liệu đo mới thuộc thửa số 9 tờ bản đồ 22. Nguồn gốc do ông Lê Văn S sử dụng, năm 1996 ông Sáo chuyển nhượng bằng giấy tay cho ông Lê Bá H1 và ông Lê Bá H1 xây dựng nhà ở cũng trong năm 1996. Sau đó, ông Lê Bá H1 chuyển nhượng cho bà Trần Thị M1 và bà M1 được Ủy ban nhân dân Quận M (gọi là Ủy ban Quận M) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc 1915 ngày 15/12/2002 (gọi Giấy 1915). Theo Giấy 1915, phần diện tích nhà – đất trong phạm vi qui hoạch được công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng là 129,6m²; phần diện tích nhà – đất trong phạm vi lộ giới Quốc lộ 1A không công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng là 317,2m².

+ Nhà – đất số 28 Quốc lộ 1A, khu phố 2 phường Trung Mỹ Tây, Quận M (gọi Nhà 28): Nhà - đất bị ảnh hưởng có diện tích 286,7m², theo tài liệu 02 đất thuộc một phần thửa 63, thửa 56 tờ bản đồ số 3; Theo tài liệu đo mới thuộc thửa số 4 tờ bản đồ 22. Nguồn gốc do ông Lê Văn S sử dụng, năm 1996 ông Sáo cho con gái tên Lê Thị Ngọc M1 và bà Ngọc M1 xây dựng nhà ở cũng trong năm 1996. Sau đó, bà Ngọc M1 chuyển nhượng cho bà Trần Thị M1 và bà M1 được Ủy ban Quận M cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc 906 ngày 30/9/2002 (gọi Giấy 906). Theo Giấy 906, phần diện tích nhà – đất trong phạm vi qui hoạch được công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng là 37,5m²; phần diện tích nhà – đất trong phạm vi lộ giới Quốc lộ 1A không công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng là 222,1m².

Ngày 25/02/2009, Ủy ban Quận M ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 196/QĐ-UBND) về việc thu hồi 286,7m² của bà M1 và ông Chương tọa lạc tại địa chỉ 28 Quốc lộ 1A, khu phố 2 phường Trung Mỹ Tây, Quận M.

Ngày 11/8/2010, Ủy ban Quận M ban hành Quyết định số 1550/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 1550/QĐ-UBND) về việc thu hồi 411,70m² của bà M1 và ông Chương tọa lạc tại địa chỉ 24A Quốc lộ 1A, khu phố 2 phường Trung Mỹ Tây, Quận M.

Ngày 22/10/2010, Ủy ban Quận M ban hành Quyết định số 2200/QĐ-UBND-BT (gọi là Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT) về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và bàn giao mặt bằng cho hộ bà M1 (Kèm Bảng chiết tính chi trả bồi thường mã số 1 ngày 11/10/2010 của Hội đồng bồi thường Dự án Công nghệ Sinh học). Cụ thể:

I. Bồi thường về đất: 3.930.667.000đồng, trong đó:

* Đất ở - nhà 24A: 129,6m² x 10.000.000đồng = 1.296.000.000đồng;

* Đất ở - nhà 28: $37,5\text{m}^2 \times 10.000.000\text{đồng} = 375.000.000\text{đồng}$;

* Hỗ trợ đất nông nghiệp xen cài khu dân cư, vị trí lân cận gần nhất với thửa đất ở tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ 1A, Nhà 24A: $317.2\text{m}^2 \times 4.000.000\text{đồng} = 1.268.800.000\text{đồng}$;

* Hỗ trợ đất nông nghiệp xen cài khu dân cư, vị trí lân cận gần nhất với thửa đất ở tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ 1A, Nhà 28: $222.1\text{m}^2 \times 4.000.000\text{đồng} = 888.400.000\text{đồng}$;

* Đất nông nghiệp, vị trí 1, Nhà 24A: $317.2\text{m}^2 \times 190.000\text{đồng} = 60.268.000\text{đồng}$;

* Đất nông nghiệp, vị trí 1, Nhà 28: $222.1\text{m}^2 \times 190.000\text{đồng} = 42.199.000\text{đồng}$.

II. Bồi thường nhà – Kiến trúc – Công trình phụ: 560.004.836 đồng

III. Các khoản trợ cấp: 28.000.000 đồng.

Tổng cộng: 4.518.671.836 đồng.

Không đồng ý với Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT, Bà thực hiện việc khiếu nại tại Ủy ban Quận M. Ngày 30/12/2010, Chủ tịch Ủy ban Quận M ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND-TTr (Quyết định 59/QĐ-UBND-TTr) về việc giải quyết khiếu nại của bà đối với Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT, theo Quyết định 59/QĐ-UBND-TTr Chủ tịch Ủy ban Quận M công nhận Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT và bác các nội dung khiếu nại của bà.

** Theo Đơn khởi kiện ngày 12/6/201 và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Trần Thị M1 có ông Ngô Xuân Q đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Trong Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT có nội dung giải quyết bồi thường, hỗ trợ không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho gia đình bà. Cụ thể:

- Nhà 28: Tổng diện tích khi được cấp sổ là 296m^2 , trong đó: Được công nhận $37,5\text{m}^2$; Không phù hợp với quy hoạch là $258,5\text{m}^2$. Khi Nhà nước làm lề đường đã lấn và làm mất của bà $9,3\text{m}^2$ trong phần diện tích $258,5\text{m}^2$, vì vậy, phần diện tích còn lại trong phần đất $258,5\text{m}^2 - 9,3\text{m}^2 = 249,2\text{m}^2$. Ủy ban Quận M chỉ tính bồi thường $222,1\text{m}^2$ là thiếu đi của bà $249,2\text{m}^2 - 222,1\text{m}^2 = 27,1\text{m}^2$. Tại Công văn 2246/UBND-BT ngày 03/11/2009, Ủy ban Quận M đã xác định phần diện tích này nằm ngoài lộ giới đường Quốc lộ 1A chưa cấp giấy nên được bồi thường bằng đơn giá đất ở nhưng phải trừ đi 50% nghĩa vụ tài chính theo quy định. Phần đất này được sử dụng trước 15/10/1993, là đất thổ cư thuộc trường hợp được cấp giấy, Ủy ban Quận M cho là bà M1 lấn chiếm không bồi thường là không đúng quy định.

- Tổng diện tích $539,30\text{m}^2$ của Nhà 24A và Nhà 28 mà Ủy ban Quận M xác định đất nông nghiệp xen cài khu dân cư để không bồi thường theo đất ở là

không đúng quy định. Vì đất gia đình bà M1 sử dụng trước 15/10/1993. Tháng 02/1992, Ủy ban phường đã xác nhận là nhà tự cất. Căn cứ Khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai, mặc dù đất nằm trong lộ giới chưa được cấp giấy nhưng cũng phải bồi thường theo đơn giá đất ở.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận M có ông Nguyễn Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất và vật kiến trúc có diện tích 27,1m² tiếp giáp phía cuối Nhà 28, theo báo cáo xác minh ngày 01/3/2010 của Ủy ban phường Trung Mỹ Tây, phần diện tích này có nguồn gốc do Nhà nước quản lý và giao cho Công ty giống cây trồng Đồng Tiến quản lý sử dụng từ năm 1977, bà M1 lấn chiếm sử dụng từ 2003. Căn cứ Khoản 8 Điều 2 Phương án 04/PA-CT diện tích này không được bồi thường, hỗ trợ.

Qua xem xét hồ sơ bồi thường và các quy định của Phương án 04/PA-CT, Ủy ban Quận M ban hành hành Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT, quyết định này là đúng pháp luật. Đề nghị, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà và giữ nguyên nội dung Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 29/ 11/ 2019, Tòa án nhân dân Quận M đã quyết định bác yêu cầu khiếu kiện của bà Trần Thị M1 về yêu cầu hủy Quyết định số 2200/QĐ-UBND-BT ngày 22/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận M về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và bàn giao mặt bằng đối với hộ bà Trần Thị M1 . Trong bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Đơn kháng cáo ngày 12/12/2019, bà Trần Thị M1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà , hủy Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT; Buộc Ủy ban Quận M phải bồi thường 539,3m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận theo đơn giá đất ở; Bồi thường diện tích đất đo đạc thiếu là 27,1m² của Nhà 28; Bồi thường nhà – kiến trúc – công trình phụ theo hệ số 1.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người kháng cáo bà Trần Thị M1 là người khởi kiện có ông Ngô Xuân Q đại diện theo ủy quyền trình bày :

Nhà – đất của Nhà 24A ; nhà – đất của Nhà 28 và phần diện tích 27,1m² ngoài ranh Giấy chứng nhận của Nhà 28, gia đình bà M1 sử dụng trước 15/10/1993. Theo Phương án 04/PA-CT phải được bồi thường theo đơn giá đất

ở Ủy ban Quận M phân loại đất giải quyết bồi thường theo Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT là không đảm bảo quyền lợi của gia đình bà M1. Vì vậy, bà M1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT; Buộc Ủy ban Quận M bồi thường 539,3m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận theo đơn giá đất ở; Bồi thường diện tích đất đo đạc thiếu là 27,1m² của Nhà 28 theo đơn giá đất ở. Đối với yêu cầu bồi thường nhà – kiến trúc – công trình phụ theo hệ số 1, bà M1 không yêu cầu giải quyết.

- Người bị kiện Ủy ban Quận M có ông Nguyễn Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Quyết định 2200/QĐ-UBND-BT Ủy ban Quận M ban hành là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về kháng cáo của người khởi kiện: Yêu cầu kháng cáo của bà M1 không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà M1 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quyền kháng cáo:

Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân Quận M tiến hành xét xử và tuyên án. Ngày 12/12/2019, người khởi kiện bà Trần Thị M1 thực hiện quyền kháng cáo. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 206 và Điều 207 Luật Tố tụng hành chính, kháng cáo của người khởi kiện còn trong thời hạn và hợp lệ.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 22/10/2010, Ủy ban Quận M ban hành Quyết định 2200/QĐ-BND-BT là để giải quyết yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ toàn khu đất của bà M1 bị thu hồi để thực hiện Dự án Trung tâm Công nghệ Sinh học. Ngày 13/6/2012, bà M1 nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định 2200/QĐ-BND-BT. Tòa án nhân dân Quận M xác định Quyết định 2200/QĐ-BND-BT là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của bà còn thời hiệu, tiến hành thụ lý vụ án trước ngày 01/7/2016 và tiếp tục giải quyết vụ án sau ngày 01/7/2016 là đúng quy định tại Điều 28, Điều 29, điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về yêu cầu kháng cáo.

Bà đồng ý việc Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Công nghệ Sinh học. Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng đất – nhà số 01/BBKK-BBT ngày 01/03/2010; Quyết định 196/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 và Quyết định 1550/QĐ-UBND ngày 11/8/2010 thì toàn bộ nhà – đất theo Giấy 1915 và Giấy 906 của hộ bà M1 bị đều bị thu hồi để thực hiện Dự án Công nghệ Sinh học.

[4] Theo Quyết định 2200/QĐ-UBND kèm Bảng chiết tính chi trả bồi thường Ủy ban Quận M giải quyết bồi thường, hỗ trợ về đất ở; về đất nông nghiệp xen cài khu dân cư, vị trí lân cận gần nhất với thửa đất ở tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ 1A; về nhà kiến trúc công trình phụ và các khoản trợ cấp. Bà M1 không đồng ý quyết định này vì Ủy ban Quận M không xem xét bồi thường theo đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất 539,3m² mà Ủy ban Quận M xác định là đất nông nghiệp xen cài khu dân cư, vị trí lân cận gần nhất với thửa đất ở tiếp giáp mặt tiền đường Quốc lộ 1A và phần diện tích 27,1m² nằm ngoài ranh Giấy 906 của Nhà 28.

[5] Theo Sơ đồ và phần chú thích thể hiện trên Giấy 906 của Nhà 28 và Bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty cổ phần Địa ốc Mạnh Hùng đo vẽ ngày 09/9/2009 thì phần diện tích 27,1m² nằm phía cuối Nhà 28 tiếp giáp phần diện tích có chủ quyền được công nhận 37,5m², nằm ngoài ranh giấy chứng nhận, không có chủ quyền. Trên Bản vẽ có chữ ký xác nhận đã xem và đồng ý của bà M1. Như vậy, tại thời điểm được cấp Giấy 906, bà M1 không thực tế sử dụng phần diện tích 27,1m². Bà M1 không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh phần diện tích này do hộ của bà sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng hoặc

trước khi được cấp giấy và bà M1 cũng không chỉ ra phần diện tích 27,1m² nằm ở vị trí nào trên khu đất. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 27,1m² của bà M1 và đại diện của bà M1.

[6] Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn có liên quan việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều phải thực hiện theo quyết định thu hồi đất và phương án đã được phê duyệt. Quyết định 2200/QĐ-UBND, Ủy ban Quận M đã căn cứ vào Phương án 04/PACT-HĐBT, phương án này đã được Chủ tịch Ủy ban Quận M phê duyệt theo Quyết định số 142/QĐ-UBND-TC ngày 14/5/2009 để tính giá trị nhà – đất của bà bị ảnh hưởng trong án. Phần diện tích 539,3m² là do trong quá trình sử dụng, gia đình bà M1 tự chuyển mục đích sử dụng, chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận là đất ở. Do đó, yêu cầu được bồi thường theo đơn giá đất ở đối với phần diện tích 539,3m² không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M1 là có cơ sở.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Kháng cáo của bà M1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M1 : Hủy Quyết định 2200/QĐ-UBND; Buộc Ủy ban Quận M tính lại đơn giá đất ở đối với tổng diện tích đất bị thu hồi trong đó có phần 27,1m² của Nhà 28 không có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà M1 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M1 không được chấp nhận. Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà M1 phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

I. Bác kháng cáo của bà Trần Thị M1 và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M:

- Áp dụng khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính,

- Áp dụng khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Bác yêu cầu khiếu kiện của bà Trần Thị M1 về việc tuyên hủy Quyết định số 2200/QĐ-BND-BT ngày 22/10/2010 của Ủy ban nhân dân Quận M về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và bàn giao mặt bằng đối với hộ bà Trần Thị M1 .

2. Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000(hai trăm ngàn) đồng do bà Trần Thị M1 chịu. Bà Trần Thị M1 đã nộp 200.000(hai trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2011/05600 ngày 19/6/2012 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận M nên được cản trừ; bà Trần Thị M1 đã nộp đủ án phí.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị M1 phải nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0107937 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Bà Trần Thị M1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng